TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2026
V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thịnh

Bà Lường Thị Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xét xử số 02 Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 214/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2026 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Số căn cước công dân: 02019000****, ngày cấp ****, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Số căn cước công dân: 02008000****, ngày cấp ****, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Dương Thị T trình bày:

Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C có quen biết nhau từ năm 2007, tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì quyết định về chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Ngày 25/10/2011 vợ chồng đăng

ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống do không có tình yêu nên vợ chồng hay xảy ra bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ít khi nói chuyện, tình cảm lạnh nhạt dần. Anh Hoàng Văn C hàng ngày đi làm phụ vữa, thi thoảng tụ tập bạn bè rượu chè, không quan tâm đến vợ con, không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Năm 2012 chị Dương Thị T bỏ đi làm công nhân ở Thành phố Hải Phòng, thi thoảng có về thăm con và gửi tiền cho con ăn học. Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C đã sống ly thân từ tháng 3/2012 đến nay, khi được nghỉ chị Dương Thị T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị Dương Thị T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009. Hiện nay cháu Hoàng Thị Hương G đang sống cùng anh Hoàng Văn C ở thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, chị Dương Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng/tháng)* cho đến khi cháu Hoàng Thị Hương G đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày: Anh Hoàng Văn C và chị Dương Thị T có quen biết nhau từ năm 2007 do chị gái của Dương Thị T làm dâu ở xã H giới thiệu, tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2011 tại UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn. Do không có tình yêu nên quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ít khi nói chuyện. Khoảng 10 năm nay chị Dương Thị T đi làm xa không về nhà nữa, anh Hoàng Văn C không biết chị Dương Thị T ở đâu và cũng không còn yêu thương, quan tâm, không liên lạc gì với chị Dương Thị T. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Hoàng Văn C nhất trí ly hôn với chị Dương Thị T. Về con chung: Có 01 con chung tên là Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009, hiện đang sống cùng anh Hoàng Văn C ở thôn Bằng G, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn anh Hoàng Văn C nhất trí trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi, nhất trí việc chị Dương Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng/tháng)*, không yêu cầu chị Dương Thị T phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2026 cháu Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009 trình bày: Cháu Hoàng Thị Hương G là con đẻ của bố Hoàng Văn C và mẹ Dương Thị T. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu Hoàng Thị Hương G có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng bố Hoàng Văn C.

Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 1356/UBND-VP ngày 28/7/2026, UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Dương Thị T có đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn C ngày 25/10/2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 01/2011 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn trước khi sáp nhập. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống ở thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn, một thời gian sau chị Dương Thị T đi làm công nhân ở Hải Phòng, ít khi quan tâm đến gia đình, khoảng năm 2012 vợ chồng ly thân. Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C có 01 con chung tên là Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009, đang sống cùng anh Hoàng Văn C ở thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Tại các biên bản xác minh cùng ngày 04/8/2026, bà Hoàng Thị V là mẹ đẻ anh Hoàng Văn C trình bày: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định; năm 2011 vợ chồng cùng đi làm thuê ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, một thời gian sau chị Dương Thị T đi làm thuê ở Thành phố Hải Phòng, ít khi về nhà, mỗi khi về nhà thì vợ chồng cũng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, chị Dương Thị T không ngủ ở nhà mà sang nhà chị gái ngủ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Ông Lê Hồng Q là Trưởng thôn B, xã H cho biết: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C có đăng ký thường trú ở thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn, kết hôn năm 2007, sau đó chị Dương Thị T đi làm công nhân và ít khi về nhà, mỗi khi về nhà thì chị Dương Thị T lại ngủ ở nhà chị gái, vợ chồng sống ly thân đã lâu.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/7/2026, tuy nhiên anh Hoàng Văn C vắng mặt, chị Dương Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị T, xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, buộc chị Dương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng/tháng*), thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Hoàng Thị Hương G đủ 18 tuổi, chị Dương Thị T không phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung do đương sự trình bày không có. Về án phí, buộc chị Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C có quen biết, tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2011 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (*nay là UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn*) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tình yêu, không có tiếng nói chung; vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn liên lạc, không còn tình cảm gì với nhau. Toà án đã mở phiên hoà giải để hai bên đương sự có điều kiện hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh Hoàng Văn C vắng mặt, chị Dương Thị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Tại phiên toà hôm nay cả hai bên đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị T.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Văn C có 01 con chung tên là Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009, hiện đang sống cùng anh Hoàng Văn C ở thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Chị Dương Thị T yêu cầu khi ly hôn giao cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thị Hương Giang cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn C nhất trí việc nuôi dưỡng con chung, cháu Hoàng Thị Hương G có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bố Hoàng Văn C. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Hoàng Thị Hương G đang sống ổn định cùng anh Hoàng Văn C tại thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn, được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ, các bên đương sự đều thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các bên đương sự, giao cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Hương G cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hoàng Thị Hương G đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C nhất trí mức cấp dưỡng nêu trên và không yêu cầu chị Dương Thị T phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các bên đương sự, buộc chị Dương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng/tháng)*, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2026 cho đến khi cháu Hoàng Thị Hương G đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị T không phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi

con. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự trình bày không có.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Dương Thị T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Hương G, sinh ngày 21/4/2009 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng/tháng*), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2026 cho đến khi cháu Hoàng Thị Hương G đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị T không phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000046 ngày 09/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, chị Dương Thị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hường